

ASD/W

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2209 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai cuộc điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3814/QĐ-BCT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Đồng Nai tại Tờ trình số 1866/SCT-TTr ngày 30/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai cuộc điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2014 với những nội dung chính như sau:

1. Mục đích điều tra

Thu thập những thông tin cơ bản về năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm:

a) Đánh giá khả năng sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo từng nhóm ngành sản phẩm, từng khu vực, địa bàn.

b) Phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của một số sản phẩm công nghiệp.

c) Tổng hợp chỉ tiêu “Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp” trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và Thương mại.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu năm gốc cho chỉ tiêu Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp làm cơ sở so sánh cho các năm tiếp theo.

2. Đối tượng, phạm vi điều tra

Các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập (gồm cả các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp) được thành lập và chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp (gồm 03 khu vực: Doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp ngoài nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trên phạm vi tỉnh Đồng Nai.

3. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra gồm các thông tin sau:

a) Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra:

- Tên doanh nghiệp;
- Địa chỉ; điện thoại; fax;
- Loại hình doanh nghiệp;
- Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Chỉ tiêu giá trị đầu tư:

- Giá trị đầu tư của máy móc, dây chuyền sản xuất hiện có đã đi vào sản xuất đến 31/12/2012.
- Giá trị đầu tư mới tăng của máy móc, dây chuyền sản xuất đã đi vào sản xuất trong năm 2013.
- Dự kiến giá trị đầu tư mới tăng của máy móc, dây chuyền sản xuất đã đi vào sản xuất trong năm 2014.

c) Các chỉ tiêu về Năng lực sản xuất:

- Năng lực sản xuất theo thiết kế của máy móc, dây chuyền sản xuất hiện có đến 31/12/2012.
- Năng lực sản xuất theo thiết kế của máy móc, dây chuyền sản xuất tương ứng với giá trị đầu tư mới tăng thêm trong năm 2013.
- Năng lực sản xuất theo thiết kế của máy móc, dây chuyền sản xuất tương ứng với ước giá trị đầu tư mới tăng thêm trong năm 2014.
- Năng lực sản xuất theo thực tế của máy móc, dây chuyền sản xuất hiện có đến 31/12/2012.
- Năng lực sản xuất theo thực tế của máy móc, dây chuyền sản xuất tương ứng với giá trị đầu tư mới tăng thêm trong năm 2013.
- Dự kiến năng lực sản xuất theo thực tế của máy móc, dây chuyền sản xuất tương ứng với ước giá trị đầu tư mới tăng thêm trong năm 2014.

4. Thời kỳ thu thập thông tin

a) Các thông tin về năng lực sản xuất hiện có tính đến 31/12/ 2012.

b) Các thông tin về năng lực mới tăng trong năm 2013, dự kiến mới tăng trong năm 2014 theo thời kỳ từ ngày 01/01 đến 31/12 của năm đó.

c) Thời điểm thực hiện điều tra: Bắt đầu từ tháng 7/2014 và kết thúc vào ngày 30/8/2014.

5. Thời điểm thực hiện điều tra

Bắt đầu từ ngày 15/7/2014 và kết thúc vào ngày 15/10/2014. Gồm các bước công việc sau:

a) Triển khai điều tra (Từ ngày 15/7/2014 đến ngày 15/9/2014):

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế về nội dung và phương pháp ghi Phiếu điều tra trên cơ sở Phương án điều tra đã quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều tra tại một số địa bàn và một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chinh lý, đánh mã, làm sạch phiếu điều tra.

b) Xử lý, tổng hợp kết quả điều tra (Từ ngày 15/9 đến ngày 15/10/2014):

- Kiểm tra số liệu, nhập tin.

- Xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

- Lập báo cáo phân tích và công bố kết quả điều tra.

Điều 2. Nghĩa vụ và trách nhiệm

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch chi tiết để triển khai điều tra theo Phương án của Bộ Công Thương.

b) Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều tra.

c) Có trách nhiệm xây dựng dự toán theo nội dung công việc được triển khai thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định theo đúng quy định.

d) Tổng hợp báo cáo kết quả sau khi kết thúc điều tra.

đ) Lưu trữ toàn bộ dữ liệu cuộc điều tra.

2. Cục Thống Kê tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp Sở Công Thương tổ chức triển khai cuộc điều tra, gồm các nội dung công việc:

- Xây dựng văn bản gửi các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra thực hiện cung cấp thông tin vào phiếu điều tra.

- Triển khai thu thập thông tin, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế về nội dung và phương pháp ghi phiếu điều tra trên cơ sở phương án điều tra do Bộ Công Thương quy định tại Quyết định số 3814/QĐ-BCT ngày 29/4/2014.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều tra

- Xử lý, đánh mã, làm sạch phiếu điều tra.

- Thiết kế chương trình phần mềm và nhập tin, tổng hợp kết quả điều tra.

- Báo cáo phân tích kết quả điều tra.

b) Quyết toán kinh phí sau khi kết thúc điều tra khảo sát theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Công Thương, tổ chức công bố kết quả điều tra và chuyển toàn bộ dữ liệu cuộc điều tra về Sở Công Thương lưu trữ.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Cục Thống kê tỉnh cấp kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để triển khai mở rộng điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp.

b) Hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí sau khi kết thúc điều tra.

c) Cử cán bộ tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều tra tại một số địa bàn và một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

a) Phối hợp với Sở Công Thương và Cục Thống kê tỉnh triển khai thực hiện cuộc điều tra tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Cử cán bộ tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều tra tại một số địa bàn và một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra

a) Các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra có nghĩa vụ và trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời những thông tin trong phiếu điều tra.

b) Đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin đã cung cấp với cơ quan thống kê.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai thực hiện điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2014 gồm:

1. Nguồn ngân sách Trung ương: Triển khai điều tra theo danh mục sản phẩm của Bộ Công Thương (451 doanh nghiệp, cơ sở). Kinh phí do Bộ Công Thương thanh toán (theo số lượng phiếu điều tra thực tế gửi về Bộ Công Thương và các chứng từ liên quan).

2. Nguồn ngân sách tỉnh: Thực hiện điều tra mở rộng để đáp ứng yêu cầu của tỉnh như: Bổ sung các sản phẩm công nghiệp điều tra, các đối tượng điều tra; nhập tin, xử lý kết quả điều tra (1.208 doanh nghiệp, cơ sở). Tổng kinh phí là 218.665.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

(chi tiết đính kèm Phụ lục)

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thống kê, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng (CNN);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN (Sơn).

07-09

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Mỹ Thanh



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Đồng

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (Đồng) |
|----------|---|-------------|----------|------------|----------------------|
| | | | | | 4.000.000 |
| 1 | Xây dựng phương án khảo sát | | | | |
| | Xây dựng đề cương tổng quát được duyệt | KH | 1 | 1.000.000 | 1.000.000 |
| | Xây dựng đề cương chi tiết được duyệt | QĐ | 1 | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 2 | Lập mẫu phiếu điều tra (trên 30 chỉ tiêu) | Phiếu | 1 | 1.000.000 | 1.000.000 |
| 3 | In phiếu điều tra | Phiếu | 1.208 | 6.000 | 7.248.000 |
| 4 | Tập huấn nghiệp vụ điều tra | | | | 1.500.000 |
| 4.1 | Nước uống | Người.Ngày | 25 | 20.000 | 500.000 |
| 4.2 | Bồi dưỡng báo cáo viên | Người.Buổi | 2 | 500.000 | 1.000.000 |
| 5 | Chi điều tra | | | | |
| | Thuê điều tra viên | Phiếu | 1.208 | 130.000 | 157.040.000 |
| 6 | Xử lý kết quả điều tra | | | | 28.712.000 |
| 6.1 | Viết chương trình xử lý dữ liệu | C.trình | 1 | 15.000.000 | 15.000.000 |
| 6.2 | Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã, nhập tin (1208 phiếu địa phương, 451 phiếu TW-do TW chi hỗ trợ chi phí điều tra, không có nhập tin, xử lý) | Phiếu | 1.648 | 6.500 | 10.712.000 |
| 6.3 | Tổng hợp, xử lý dữ liệu | lần | 1 | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 7 | Viết báo cáo kết quả điều tra (báo cáo tóm tắt và đầy đủ) | Báo cáo | 2 | 6.000.000 | 12.000.000 |
| 8 | Các khoản chi phí khác | | | | 7.165.000 |
| | Văn phòng phẩm (bìa nhựa, bìa giấy, tập ghi chép, viết, kẹp bướm....) | lần | 1 | 795.000 | 795.000 |
| | Điện thoại phục vụ quản lý giám sát điều tra | lần | 1 | 2.000.000 | 2.000.000 |
| | Xăng xe phục vụ công tác quản lý điều tra | Chuyến | 10 | 437.000 | 4.370.000 |
| | Tổng cộng | | | | 218.665.000 |

Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng./.